

KQ/250008350
 No.: NA250709-21NS01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Hỏa Tiến, Ấp Thạnh An, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS01	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,24	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,5	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	11,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,67	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,082	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,6	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008350
No.: NA250709-21NS01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008351
 No.: NA250709-21NS02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Hỏa Tiến, Ấp Thạnh An, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS02	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,92	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,2	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,57	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,12	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008351

No.: NA250709-21NS02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008352
 No.: NA250709-21NS03

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Phạm Văn Nho - Trạm Hỏa Tiến, Ấp Thạnh An, Xã Hòa Lự, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS03	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,29	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,32	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,9	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,36	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,090	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,4	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008352

No.: NA250709-21NS03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(#): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008353

No.: NA250709-21NS04

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 (TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Nhà máy nước Long Mỹ, Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS04	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,31	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,30	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,36	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,83	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008353
No.: NA250709-21NS04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008354
 No.: NA250709-21NS05

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Nhà máy nước Long Mỹ, Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS05	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,23	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,3	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,24	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008354

No.: NA250709-21NS05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008355

No.: NA250709-21NS06

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 (TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Áp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Nguyễn Văn Lùng - Nhà máy nước Long Mỹ, Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS06	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,33	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,50	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,19	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,10	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,3	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ
MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.



KQ/250008355

No.: NA250709-21NS06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008356

No.: NA250709-21NS07

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Long Trị A, Ấp 7, Phường Long Mỹ,
Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS07	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,24	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,46	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,6	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,09	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008356

No.: NA250709-21NS07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(#): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008357

No.: NA250709-21NS08

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Võ Thị Đàm - Trạm Long Trị A, Ấp 7, Phường Long Mỹ,
Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS08	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,25	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,59	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,9	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,10	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,093	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,3	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008357

No.: NA250709-21NS08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008358
 No.: NA250709-21NS09

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Long Bình, Ấp Khu vực Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS09	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,22	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,40	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,07	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,2	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008358

No.: NA250709-21NS09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(#): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008359
 No.: NA250709-21NS10

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Long Bình, Ấp Khu vực Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS10	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,23	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,45	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,5	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,09	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,10	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,2	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008359

No.: NA250709-21NS10

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(#): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008360
 No.: NA250709-21NS11

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VIIAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Nguyễn Văn Lanh - Trạm Long Bình, Ấp Khu vực Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS11	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,40	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	6,99	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,16	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,4	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008360
No.: NA250709-21NS11

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008361
 No.: NA250709-21NS12

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VIAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Vị Thắng, Ấp 7, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS12	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0019	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,31	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,12	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	3,4	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,86	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,14	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,42	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ
MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.



KQ/250008361
No.: NA250709-21NS12

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PH. TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008362

No.: NA250709-21NS13

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Vị Thắng, Ấp 7, Xã Vị Thủy, Thành phố
Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS13	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0018	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,31	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	KPH	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,83	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,082	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,49	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-I, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ
MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.



VIMCERTS 304

KQ/250008362

No.: NA250709-21NS13

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008363
 No.: NA250709-21NS14

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILOS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Lê Văn Hào - Trạm Vị Thắng, Ấp 7, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS14	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0018	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,26	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,11	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	3,3	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,78	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,35	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

KQ/250008363

No.: NA250709-21NS14

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽¹⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008364
 No.: NA250709-21NS15

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Vị Thủy, Ấp 4, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS15	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,22	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,36	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,6	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,02	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,12	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008364
No.: NA250709-21NS15

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(#): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008365
 No.: NA250709-21NS16

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Vị Thủy, Ấp 4, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS16	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,25	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,43	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,2	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,47	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,12	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,3	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008365
No.: NA250709-21NS16

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008366
 No.: NA250709-21NS17

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Huỳnh Ngọc Diễm - Trạm Vị Thủy, Ấp 4, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS17	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,31	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,83	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	11,1	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,39	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,12	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008366

No.: NA250709-21NS17

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008367
 No.: NA250709-21NS18

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Nhà máy nước Nàng Mau, Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ.**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS18	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,85	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	11,3	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,27	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	0,03	0,10	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008367
No.: NA250709-21NS18

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008368
 No.: NA250709-21NS19

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Nhà máy nước Nàng Mau, Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ.**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS19	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,25	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,41	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,4	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,32	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,2	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



KQ/250008368
No.: NA250709-21NS19

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008369
 No.: NA250709-21NS20

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
 NÔNG THÔN HẬU GIANG
 Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Hộ dân Dương Thị Hồng Lụa - Nhà máy nước Nàng Mau, Ấp 1,
 Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/07/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 19/07/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS20	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,24	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,52	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,0	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,26	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008369
No.: NA250709-21NS20

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008370
No.: NA250709-21NS21PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Nước cuối nguồn - Trạm Vĩnh Tường, Ấp Vĩnh Hiếu, Xã Vĩnh
Tường, Thành phố Cần Thơ

Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch

Số lượng/ Quantity : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/07/2025

Ngày trả kết quả/ Date of result : 19/07/2025

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS21	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,29	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,74	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	10,8	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,24	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,12	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,6	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008370
No.: NA250709-21NS21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(b): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008371
 No.: NA250709-21NS22

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Ngô Hồng Hạnh - Trạm Vĩnh Tường, Ấp Vĩnh Hiếu, Xã Vĩnh Tường, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **09/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **19/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS22	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,22	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,65	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,6	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,31	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,10	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008371
No.: NA250709-21NS22

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài

